CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 209 /2026/QĐ-TGĐ	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ 30/10/2026)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thêm: MBG - Công ty cổ phần Tập đoàn MBG vào Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 30/10/2026.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 30/10/2026 sẽ bao gồm 292 mã chứng khoán (trong đó 235 mã chứng khoán sàn HSX và 57 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 202/2026/QĐ-TGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu VT.*

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 66 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI
P. CỬA NAM - T.P HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT VẬN HÀNH VÀ DỊCH VỤ KH
Lê Thị Hoài Thu

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 30/10/2026

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	**Mã**		**STT**	**Mã**
1	AAA		1	BAB
2	ACB		2	BVS
3	ACG		3	C69
4	ADS		4	CAP
5	AFX		5	CEO
6	AGG		6	CSC
7	AGR		7	CST
8	ANT		8	DNP
9	ANV		9	DP3
10	ASM		10	DTD
11	AST		11	DXP
12	BAF		12	HUT
13	BCM		13	HVT
14	BFC		14	IDC
15	BIC		15	IDV
16	BID		16	IPA
17	BKG		17	KSF
18	BMP		18	KSV
19	BSI		19	L18
20	BSR		20	L40
21	BVH		21	LAS
22	BWE		22	LHC
23	CDC		23	MAC
24	CHP		24	MBG
25	CII		25	MBS
26	CKG		26	MDC
27	CLL		27	MST
28	CMG		28	MVB
29	CNG		29	NAG
30	CRC		30	NBC
31	CRE		31	NDN
32	CSM		32	NTP
33	CSV		33	PCH
34	CTD		34	PLC
35	CTG		35	PMC
36	CTI		36	PSD
37	CTR		37	PSI
38	CTS		38	PVB
39	D2D		39	PVC
40	DBC		40	PVI

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
41	DBD		41	PVS
42	DC4		42	SCG
43	DCL		43	SJE
44	DCM		44	SLS
45	DGW		45	TD6
46	DHA		46	TIG
47	DHC		47	TMB
48	DHG		48	TNG
49	DIG		49	TPP
50	DPG		50	TVD
51	DPM		51	VC3
52	DPR		52	VC7
53	DRC		53	VCS
54	DRL		54	VFS
55	DSE		55	VGS
56	DSN		56	VNR
57	DVP		57	VTZ
58	DXG			
59	DXS			
60	EIB			
61	ELC			
62	EVF			
63	EVG			
64	FCN			
65	FMC			
66	FPT			
67	FRT			
68	FTS			
69	GAS			
70	GEE			
71	GEG			
72	GEL			
73	GEX			
74	GHC			
75	GMD			
76	GSP			
77	GVR			
78	HAG			
79	HAH			
80	HAX			
81	HCM			
82	HDB			
83	HDC			
84	HDG			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
85	HHP			
86	HHS			
87	HHV			
88	HII			
89	HPA			
90	HPG			
91	HQC			
92	HSG			
93	HSL			
94	HT1			
95	HTG			
96	HTI			
97	HTN			
98	HVH			
99	IDI			
100	IJC			
101	ILB			
102	IMP			
103	ITC			
104	KBC			
105	KDC			
106	KDH			
107	KHG			
108	KSB			
109	LBM			
110	LCG			
111	LHG			
112	LIX			
113	LPB			
114	LSS			
115	MBB			
116	MCH			
117	MCM			
118	MIG			
119	MSB			
120	MSH			
121	MSN			
122	MWG			
123	NAB			
124	NAF			
125	NCT			
126	NHH			
127	NKG			
128	NLG			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
129	NNC			
130	NT2			
131	NTC			
132	NTL			
133	NVL			
134	OCB			
135	OPC			
136	ORS			
137	PAC			
138	PAN			
139	PC1			
140	PDN			
141	PDR			
142	PET			
143	PGC			
144	PGD			
145	PGI			
146	PHC			
147	PHR			
148	PLX			
149	PNJ			
150	POW			
151	PPC			
152	PTB			
153	PTC			
154	PVD			
155	PVP			
156	PVT			
157	QCG			
158	RAL			
159	REE			
160	RYG			
161	SAB			
162	SAM			
163	SBA			
164	SBT			
165	SCR			
166	SCS			
167	SGN			
168	SGR			
169	SHB			
170	SHI			
171	SIP			
172	SJD			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
173	SKG			
174	SMB			
175	SRC			
176	SSB			
177	SSI			
178	STB			
179	SZC			
180	SZL			
181	TAL			
182	TCB			
183	TCH			
184	TCI			
185	TCL			
186	TCM			
187	TCO			
188	TCX			
189	TDC			
190	TDM			
191	TDP			
192	TEG			
193	THG			
194	TIP			
195	TLD			
196	TLG			
197	TN1			
198	TNI			
199	TNT			
200	TPB			
201	TRA			
202	TRC			
203	TTA			
204	TV2			
205	TVB			
206	TVS			
207	VAB			
208	VCB			
209	VCG			
210	VCI			
211	VCK			
212	VDS			
213	VFG			
214	VGC			
215	VHC			
216	VHM			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
217	VIB			
218	VIC			
219	VIP			
220	VIX			
221	VJC			
222	VND			
223	VNM			
224	VOS			
225	VPB			
226	VPI			
227	VPL			
228	VPX			
229	VRE			
230	VSC			
231	VSH			
232	VTO			
233	VTP			
234	VVS			
235	YEG			